

BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC, GIÁO DỤC HỌC NHÀ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG THUẬN

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: hongthuan70@gmail.com**

Tóm tắt: Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã đặt ra những cơ hội và thách thức cần phải giải quyết mà trong đó phát triển nguồn nhân lực là yếu tố căn bản, giáo dục và đào tạo giữ vị trí then chốt. Với thực trạng giáo dục ở nước ta hiện nay, nhất thiết phải tiến hành đổi mới căn bản và toàn diện để nền giáo dục nước nhà có thể tồn tại, phát triển và hội nhập trong môi trường quốc tế. Để công cuộc đổi mới giáo dục Việt Nam thực sự khoa học, đảm bảo tính mới, tính cách mạng và đột phá, chúng ta cần những nghiên cứu đầy đủ, hệ thống và thực sự thấu đáo từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu, như: Triết học giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Xã hội học giáo dục, Kinh tế học giáo dục...

Từ khóa: Toàn cầu hóa; hội nhập quốc tế; đổi mới giáo dục; tâm lý học; giáo dục học.

(Nhận bài ngày 19/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 31/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/9/2017).

1. Đặt vấn đề

Trước bối cảnh toàn cầu hóa, đất nước ta đã và đang thực hiện những bước đi đầu tiên trong tiến trình hội nhập, mở cửa và chuyển đổi cơ chế nền kinh tế,... Đây là một quá trình tất yếu khách quan, đã và sẽ tạo ra nhiều cơ hội quý báu để chúng ta có thể phát triển đi lên và tự hoàn thiện mình. Bên cạnh đó, nó cũng đặt ra trước mắt chúng ta vô số những vấn đề và những thách thức cần phải giải quyết. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, chúng ta phải làm sao để nền giáo dục Việt Nam vừa duy trì được nét đặc trưng của mình (tồn tại) vừa có thể nhập cuộc và phát triển được trong làn sóng toàn cầu hóa. Đây thực sự là một thách thức hết sức to lớn!

Trước hết, chúng ta cần phải thực sự tỉnh táo để có thể nhận ra mình là ai và đang đứng ở đâu trong toàn cảnh giáo dục thế giới? Và, cái đích mà giáo dục Việt Nam đang và sẽ hướng tới là cái gì? Để phần nào làm sáng tỏ các câu hỏi trên, chúng tôi tìm hiểu và nhận diện bối cảnh và định hướng nghiên cứu khoa học giáo dục hiện nay và trong giai đoạn sắp tới.

2. Bối cảnh trong nước và quốc tế

2.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa là hiện tượng khách quan, một xu thế lớn của thế giới hiện đại, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các quốc gia, mang lại cả cơ hội lẫn thách thức và thể hiện cả ở mặt tích cực lẫn tiêu cực. Điều đó đã tạo cơ hội để giáo dục Việt Nam có thể nhìn nhận về mình một cách đầy đủ và khách quan hơn, với những điểm mạnh hay tồn tại cần khắc phục; có thể mở rộng tầm nhìn và bậc thang giá trị vượt ra khỏi biên giới quốc gia và dân tộc, hướng tới những chuẩn mực chung, có tính chất toàn nhân loại và có thể xác định được vị trí tương đối của mình trong toàn cảnh giáo dục thế giới đương đại. Tuy nhiên, đây lại chính là thách thức lớn lao, khi trình độ phát triển và năng lực cạnh tranh của Việt Nam

so với khu vực và quốc tế còn một khoảng cách khá dài. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa làm giảm thiểu sự khác biệt, tiến tới tiệm cận về văn hóa giữa các quốc gia; nhưng mặt khác, nó cũng đe dọa làm lu mờ bản sắc văn hóa riêng, những giá trị cần được duy trì nhằm bảo vệ sự đa dạng của nền văn hóa thế giới. Đặc biệt, thông tin và truyền thông hiện đại cũng góp phần làm lan tỏa khắp thế giới, đến một bộ phận nhân dân mà chủ yếu là thanh thiếu niên lối sống sùng bái vật chất, cá nhân, thực dụng, sa hoa, lãng phí, ưa dùng bạo lực.... Và, phải khẳng định rằng, sự phát triển của toàn cầu hóa đã đặt các quốc gia (dù giàu hay nghèo, lớn hay nhỏ) trước yêu cầu phải hội nhập để phát triển.

Với những thành tựu và hạn chế, bất cập đang tồn tại, giáo dục Việt Nam cần phải nghiên cứu tìm ra phương hướng, giải pháp thích hợp, mang tính đột phá, để có thể tận dụng các lợi thế, giảm thiểu tiêu cực mà toàn cầu hóa mang lại. Đó là, tìm hiểu kinh nghiệm từ những thành công, thất bại của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến; tiếp cận và đón đầu tri thức, công nghệ hiện đại; chắt lọc tinh hoa văn hóa thế giới, nhằm định hình một chiến lược giáo dục tổng thể, để có thể chuẩn bị nguồn nhân lực - những "công dân toàn cầu", có đủ sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Cách mạng khoa học - công nghệ

Khoa học và công nghệ liên tục phát triển với những bước tiến nhảy vọt, đã và sẽ tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội toàn cầu, đặc biệt là vấn đề nhân lực trình độ cao. Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ là nền tảng để kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp sang kinh tế tri thức.

Mặc dù, nhiều lĩnh vực hoạt động trong nước đang ở giai đoạn hiện thực hóa công nghiệp 2.0 và 3.0, nhưng cách mạng công nghiệp 4.0 là xu thế công nghệ tất yếu,



là động lực cơ bản mà Việt Nam phải hướng đến để hội nhập với thế giới; Bên cạnh những thách thức về việc làm do nguồn nhân lực công nghệ ở nước ta chưa tương đương với ASEAN, nhưng người lao động lại có cơ hội học tập, nâng cao trình độ để thích ứng với nền công nghệ tiên tiến.

Những vấn đề nêu trên cho thấy sự cấp bách phải đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm giải quyết vấn đề nhân lực - yếu tố "cần cốt" trong xã hội phát triển. Đó là, sự đổi mới từ tư duy về triết lí và mục tiêu giáo dục, đến đổi mới nội dung và phương thức giáo dục trong và ngoài nhà trường, hướng cộng đồng về một xã hội học tập với nền kinh tế tri thức. Bởi lẽ, khoa học, công nghệ và văn hóa hiện đại đòi hỏi con người phải học suốt đời để có thể thích ứng.

2.3. Làn sóng đổi mới giáo dục trên toàn cầu

Hầu hết các quốc gia đều nhận thức được vai trò và vị trí hàng đầu của giáo dục và đều tiến hành các cuộc cải cách giáo dục để có thể hội nhập, phát triển một cách chủ động, hiệu quả. Và, đổi mới giáo dục đang diễn ra với quy mô toàn cầu đã tạo nên những thay đổi sâu sắc, từ quan điểm về *chất lượng giáo dục*, hình thành *nhân cách người học* đến cách thức *tổ chức quá trình giáo dục* cũng như *cơ cấu hệ thống giáo dục*. Chẳng hạn như: i) Nhà trường từ chỗ khép kín, chuyển sang mở cửa và gắn kết với xã hội, cộng đồng, gắn bó với sự phát triển khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh; ii) Nhà giáo, từ chỗ chủ yếu truyền thụ kiến thức chuyển sang giúp cho người học trải nghiệm để phát triển những năng lực cơ bản và phương pháp thu nhận kiến thức, hình thành kĩ năng học tập một cách chủ động, sáng tạo; iii) Xu hướng giáo dục nặng tính hàn lâm, thiếu tính ứng dụng được chuyển sang giáo dục năng lực hành động gắn với thực tiễn đã trở thành nhân tố tiên quyết đối với giáo dục và đào tạo quốc tế; Giáo dục thể hệ trẻ tinh thần dân tộc; đồng thời, khơi dậy ý thức công dân toàn cầu, không những nuôi dưỡng văn hóa truyền thống mà còn phải trân trọng sự đa dạng trong thế giới đa chiều, đa văn hóa...

2.4. Công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục ở Việt Nam

Trên hành trình hội nhập, giáo dục Việt Nam đã có sự nỗ lực và đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, trong thực tế, nền giáo dục nước ta đang đứng trước nguy cơ "khó hoà nhập" được với các trào lưu giáo dục lớn trên thế giới, vì một số lí do sau đây:

i) Muốn đổi mới giáo dục trong thực tiễn, trước hết cần bắt đầu từ đổi mới tư duy trong giáo dục; trong đó, một yêu cầu tất yếu là phải đầu tư nghiên cứu cơ bản để phát triển nền *lí luận giáo dục hiện đại mà hạt nhân của nó là triết lí giáo dục*, bởi "một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao khoa học không thể không có tư duy lí luận" (F.Engel). Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây cho thấy, triết lí giáo dục Việt Nam chưa thực sự rõ ràng, nhất quán, thuyết phục để làm tốt vai trò định hướng cho nền giáo dục quốc gia. Một ví dụ có thể nêu ra ở

đây là: Việc xây dựng chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới đang được tiến hành, trong khi chúng ta vẫn chưa xác định rõ những tư tưởng và triết lí giáo dục cơ bản trong giai đoạn hiện nay; Một ví dụ nữa về đổi mới giáo dục "chấp vá" là, việc tiến hành giảm tải chương trình giáo dục phổ thông, chỉ căn cứ vào lượng kiến thức và độ khó chưa phù hợp, nội dung bị trùng lặp và dựa vào chuẩn kiến thức kĩ năng đối với từng lớp/cấp/môn học... Nhưng lại chưa căn cứ vào mục tiêu "học để phát triển năng lực cốt lõi nào?" (đối với HS từng cấp học). Như vậy, đòi hỏi vượt trên tầm tư duy kinh nghiệm thông thường, đó phải là triết lí ở tầm lí luận với hệ khái niệm công cụ chuẩn xác, đóng vai trò như một *khế ước xã hội* về giáo dục, giúp giáo dục thoát khỏi vòng luẩn quẩn, để hoạt động tự giác, có phương hướng, có năng lực bút phá trong tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.

ii) Mặc dù, từ khi bắt đầu đổi mới và mở cửa để hợp tác, giao lưu quốc tế, kinh tế - xã hội Việt Nam đã có những bước phát triển khá vững chắc. Sự tác động của nhiều hệ giá trị khác nhau do toàn cầu hóa mang lại, bên cạnh mặt tích cực, còn có những ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận không nhỏ thanh niên, học sinh (HS), cùng với một số tồn tại trong giáo dục nhà trường hiện nay đã dẫn đến những biểu hiện lệch lạc về nhận thức và hành vi trong và ngoài nhà trường như: Bỏ học, bạo lực, nghiện game online, vi phạm pháp luật,... Hơn nữa, sự tác động nhiều mặt trong đời sống xã hội, gia đình và nhà trường luôn tạo nên những sức ép tâm lí không nhỏ đối với các em HS, dẫn đến tình trạng chán học, rối nhiễu tâm lí - trầm cảm, hoặc có những hành vi lệch chuẩn trong nhà trường ngày càng gia tăng.

iii) Do đời sống còn khó khăn, cộng với sự tác động của kinh tế thị trường, giáo dục cùng nhiều lĩnh vực xã hội khác đã xuất hiện *khuyh hướng "thương mại hóa"*, với những biểu hiện: Dạy thêm, học thêm tràn lan, mua bằng, bán điểm, lạm thu, mở tràn lan các lớp đào tạo tại chức, liên kết đào tạo với nước ngoài... nhằm mục đích thu lợi, không đảm bảo chất lượng giáo dục. Điều đó góp phần làm môi trường giáo dục xuống cấp, lối sống thiếu lí tưởng xuất hiện trong một bộ phận HS, sinh viên, giáo viên.

iv) *Chương trình, giáo trình giảng dạy* của Việt Nam hiện nay chưa được tiêu chuẩn hoá và công nhận trên trường quốc tế, với ngôn ngữ chính là tiếng Việt, sẽ làm hạn chế khả năng hội nhập; Hơn nữa, Việt Nam còn thiếu một *Bộ quy tắc, tiêu chí đánh giá và Cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục độc lập*;... Ngoài ra, hệ thống giáo dục của ta còn tồn tại một số hạn chế, như: Công tác *hướng nghiệp, phân luồng HS* sau trung học cơ sở và trung học phổ thông chưa được quan tâm đúng mức; *Chất lượng giáo dục đại học và nghề nghiệp* còn thấp và chưa gắn kế hoạch phát triển giáo dục với thị trường lao động. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là do chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác dự báo và nghiên cứu khoa học giáo dục.

Như vậy, với lợi thế “người đi sau”, chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm và tránh được phần nào những rủi ro đã xảy ra với “người đi trước” và có thể tận dụng cơ hội “đi tắt - đón đầu”, nhưng chúng ta không thể lạm dụng nó mà đưa ra những mục tiêu duy ý chí. Chúng ta không thể học hỏi, áp dụng những kinh nghiệm “hay” của nước bạn nhưng lại chưa thực sự “hay” và phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nước ta. Thực tế cho thấy, chúng ta đã có rất nhiều chủ trương phát triển giáo dục được đưa ra nhưng chưa khả thi và ít hiệu lực vì nó chưa được dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn xác đáng mà còn chủ quan, nóng vội và phi thực tế.

3. Định hướng nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tâm lí học và Giáo dục học nhà trường ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh trong nước và quốc tế, như đã phân tích ở trên, giáo dục và đào tạo phải làm gì? Cần bắt đầu từ đâu? Làm như thế nào? Tại sao lại làm như vậy...? Câu trả lời dường như vừa phù hợp với xu hướng chung và với điều kiện riêng của nước ta, đó là “... Giáo dục và đào tạo phải được *đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế*, phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực” (Trích NQ 29, Hội nghị TW 8, khóa XI). Trong đó, tập trung đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; Đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; Chuyển từ giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học; Học đi đôi với hành - Lí luận gắn với thực tiễn - Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội;... Nếu chúng ta tận dụng cơ hội này một cách thông minh thì có thể hội nhập với thế giới một cách nhanh chóng; Và ngược lại, nếu không biết chắt lọc giá trị tinh túy của nhân loại và gìn giữ tinh hoa của dân tộc để làm nên một bản sắc Việt Nam thì đây lại là yếu tố nguy cơ làm chúng ta bị “hòa tan” trong lòng thế giới. Đây thực sự là quá trình cam go và phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc của toàn xã hội bằng tất cả tài lực, tâm lực và trí lực.

Dưới đây là một số định hướng nghiên cứu ở lĩnh vực Tâm lí học và Giáo dục học nhà trường trong bối cảnh hiện nay :

i/ *Về Tâm lí học giáo dục*: Cần nghiên cứu xác định Hệ tiêu chí và chỉ số phát triển tâm - sinh lí HS; Lựa chọn và xây dựng Bộ công cụ đánh giá, đo lường theo hệ tiêu chí này. Từ đó, nhận diện đặc điểm phát triển tâm - sinh lí HS Việt Nam (ở từng cấp học) trong giai đoạn hiện nay, làm cơ sở quan trọng cho việc phát triển chương trình giáo dục mới. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu làm rõ đặc điểm văn hóa, xã hội, hệ giá trị sống căn bản của giới trẻ Việt Nam, những khó khăn về học đường và biện pháp hỗ trợ... Đồng thời, nghiên cứu phát triển mô hình tư

vấn học đường trong các nhà trường, nhằm giúp HS có cách nhìn đúng đắn, thái độ tích cực và có thể vượt qua được chính mình trong cuộc sống và có định hướng cho tương lai.

ii/ *Về Giáo dục học*: Cần tổ chức và thực hiện nghiên cứu tổng thể theo tiếp cận hệ thống để tìm ra những luận điểm khoa học sâu sắc và xác đáng, từ các góc nhìn của Lí luận giáo dục hiện đại. Trong đó, Triết học giáo dục và Giáo dục so sánh đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là phục vụ các nghiên cứu quốc tế về giáo dục, để trả lời được câu hỏi: “*Làm thế nào để đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục?*”. Trong nghiên cứu quốc tế, cần tập trung nghiên cứu, xem xét toàn diện các trường hợp/quốc gia điển hình, từ bối cảnh kinh tế, văn hóa - xã hội và giáo dục. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm về phát triển hệ thống giáo dục; về xây dựng chương trình giáo dục tổng thể và môn học/lĩnh vực học tập; về phát triển nội dung, phương pháp giáo dục; Và, phát triển đội ngũ nhà giáo;... Đồng thời, cần nghiên cứu hết sức kĩ lưỡng từ nhiều lĩnh vực khoa học liên quan, như: Tâm lí học, Xã hội học giáo dục, Kinh tế học giáo dục, Kĩ thuật và công nghệ,... để từ đó có thể phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu thời đại.

Dựa trên các lí thuyết: Tâm lí - sinh lí hoạt động học tập; Tâm lí học nhận thức, hành vi và xã hội; Quản lí về học tập; Học tập chương trình hóa; Học từ xa; Học tập dựa vào Graph/Sơ đồ tư duy;... để có thể đưa ra những tiêu chí cơ bản, mang tính nguyên tắc hoặc yêu cầu chung trong việc xác định nội dung giáo dục theo tiếp cận năng lực. Cụ thể như sau:

Phương pháp giáo dục, cần đảm bảo: (a) Dạy - học tích cực nhằm phát triển các năng lực cho HS; (b) Cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào các tình huống thực tế; (c) Đa dạng hóa hoạt động học; cho HS tìm tòi khám phá, nghiên cứu, thực hiện các dự án học tập,... tham gia hoạt động xã hội; (d) Tăng ứng dụng công nghệ thông tin; (e) Giáo dục kĩ năng sống cho HS thông dạy học; (g) Tạo thuận lợi cho sự tham gia, gắn kết, phối hợp gia đình, cộng đồng với nhà trường.

Hình thức tổ chức giáo dục, cần đảm bảo: (1) Chú trọng: Hoạt động nhóm, hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm sáng tạo,... (2) Phù hợp để HS phát huy năng lực của bản thân.

Ở góc độ vĩ mô, để đáp ứng nhu cầu của xã hội hết sức đa dạng, luôn biến đổi, giáo dục và đào tạo phải tiếp tục phát triển về quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả; Đồng thời, giáo dục phải đảm bảo sự công bằng về cơ hội học tập và trình độ đào tạo cho mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, mô hình “học suốt đời” cần phát triển đến tận cộng đồng, làm thay đổi quan niệm truyền thống về người dạy, người học, cách dạy, cách học, cách đánh giá, phá vỡ giới hạn về tuổi học. Nó chuyển trọng tâm từ tri thức sang năng lực, trong đó chú trọng năng lực sáng tạo, áp dụng, phân tích, tổng hợp tri thức; năng lực làm việc nhóm, năng lực học, cách học...



4. Kết luận

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tác động đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nó đòi hỏi sự chuyển đổi cả về cơ cấu và chất lượng nhân lực để thích ứng với trình độ công nghệ của mỗi quốc gia và quốc tế; trong đó, giáo dục và đào tạo được coi là yếu tố then chốt. Với thực trạng nền giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay, nhất thiết phải tiến hành đổi mới căn bản và toàn diện để nền giáo dục nước nhà có thể tồn tại, phát triển và hội nhập với môi trường quốc tế. Và, để công cuộc đổi mới nền giáo dục Việt Nam thực sự khoa học, đảm bảo tính mới, tính cách mạng và đột phá, chúng ta cần những nghiên cứu đầy đủ, hệ thống và thực sự thấu đáo từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu, như:

Triết học giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Xã hội học, Kinh tế học...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 29 Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI, tháng 11 năm 2013.*
- [2]. Đề tài cấp Nhà nước KX 08.01: *Xu hướng toàn cầu hóa trong hai thập niên đầu thế kỉ XXI(2012).*
- [3]. Phạm Minh Hạc (chủ biên), (2011), *Về phát triển toàn diện con người thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. *Những vấn đề giáo dục hiện nay - Quan điểm và giải pháp* (nhiều tác giả), NXB Tri thức, Hà Nội, (2007).
- [5]. Thủ tướng Chính phủ, *Chiến lược Phát triển Giáo dục và Đào tạo 2011- 2020,* Quyết định 711/QĐ-Ttg, ngày 13 tháng 6 năm 2012.

CONTEXT AND RESEARCH TREND IN PSYCHOLOGY AND CURRENT SCHOOL EDUCATION IN VIETNAM

NGUYEN HONG THUAN

The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: hongthuan70@gmail.com

Abstract: *Globalization and international integration have given us opportunities and challenges that need to be addressed in which human resource development is an essential factor, education and training plays key position. With the current situation of education in our country, it is necessary to carry out the fundamental and comprehensive reform so that our education can exist, develop and integrate into the international environment. In order to get Vietnamese education reform to be truly scientific, ensure its new, revolution and breakthrough, we need adequate, systematic and comprehensive researches from many aspects such as : Educational Philosophy, Educational Psychology, Educational Studies, Educational Sociology, Educational Economics...*

Keywords: *Globalization; international integration; education renew; Psychology Education.*